TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-PT
Ngày: 02 - 02 - 2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 401A/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Kiên Văn M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Diệp Thanh H, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp B, thị trấn , huyện L, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 07/12/2023). (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Kiên Văn O N, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thụy Thanh S, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2018). (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Kiên Thị Á, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Kiên Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà B, ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

4. Bà Võ Thị Ô, sinh năm 1970; địa chỉ: Số H, khu phố B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

5. Ông Kiên Văn Ê, sinh năm 1993; địa chỉ: Số H, khu phố B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

6. Ông Kim I, sinh năm 1963 (chết vào ngày 30/6/2022). *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kim Q*:

+ Bà Kim Thị A, sinh năm 1969 (vắng mặt).

+ Bà Kim Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

+ Bà Kim Thị U, sinh năm 1989 (vắng mặt).

+ Bà Kim Thị Tú E, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

7. Ông Kim Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Ông Kiên Văn O, sinh năm 1970 (có mặt).

9. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 (vắng mặt).

10. Ông Kiên Phương A, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

11. Ông Kiên Thanh B, sinh năm 1996 (chết vào năm 2021). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kiên Thanh B*:

+ Ông Kiên Văn O, sinh năm 1970 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

12. Bà Dương Thị Â, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Â*: Bà Lê Thụy Thanh S, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/8/2018). (có mặt).

13. Bà Kim Hồng Ư, sinh năm 1997 (vắng mặt).

14. Ông Kiên Khánh Y, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

15. Ông Kiên Văn Ơ, sinh năm 1991; địa chỉ: Số H, khu phố B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

16. Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn L, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung: Ông Lữ Duy Z, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cù Lao Dung, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/01/2024). (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

17. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cù Lao Dung; địa chỉ: Ấp P, thị trấn L, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

18. Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Kiên Văn M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2018, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Kiên Văn M trình bày:*

Cha mẹ ruột của ông là ông Kiên Văn K, sinh năm 1931 (chết năm 2017) và bà Tăng Thị P, sinh năm 1939 (chết năm 2011). Khi sinh thời ông K và bà P có sinh được 08 người con chung, gồm:

1. Kiên Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà B, ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Kiên Thị Á, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Kim Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

4. Kim I, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; (chết vào ngày 30/6/2022).

5. Kiên Văn I, sinh năm 1969 (chết vào ngày 25/8/2010).

6. Kiên Văn O, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

7. Kiên Văn O N, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

8. Kiên Văn M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Khi sinh thời ông K và bà P có tạo lập được các tài sản gồm:

- 01 căn nhà tường cấp 4, kèo đòn tay gỗ dầu, lợp tol, ngang 9m x dài 8m (Phần nhà có 300m^2 đất thổ cư và 700m^2 đất lối đi ra vào) và một số đồ sử dụng trong gia đình là tủ, bàn, ghế (Theo đo đạc thực tế là 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có

diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch bông xi măng 200x200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa sổ gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn, các vật dụng trong nhà như tủ bàn ghế không còn giá trị sử dụng) .

- 03 thửa đất có tổng diện tích là 24.982,2m^2 đất tại các thửa 254, 255, 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Theo đo đạc thực tế các thửa đất có diện tích như sau: thửa đất số 254 có diện tích còn lại được phép sử dụng là 164,3m^2, thửa đất số 255, có diện tích là 4.385,5m^2; thửa đất số 363 trước đây là thửa đất số 363 và thửa đất số 364, nhưng do quá trình ông N sử dụng canh tác đã phá bỏ ranh đất của hai thửa đất nêu trên, sau đó khi Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kiên Văn O thì xác định lại thành thửa đất số 363, thửa đất này hiện nay có tổng diện tích là: 17.580,8m^2. Tổng diện tích của 03 thửa đất là 22.130,6m^2). Trong tổng số 24.982,2m^2 thì trừ ra 6.100m^2, là phần đất thuộc thửa đất số 255 hiện nay do ông M đang canh tác, có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.385,5m^2, vì phần đất này ông M được cha mẹ tặng cho vào năm 2006, khi tặng cho thì không có làm hợp đồng tặng cho theo quy định của pháp luật, ông M cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khấu trừ phần đất ông M đang canh tác, có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.385,5m^2 thì còn lại phần đất có tổng diện tích là 17.745,1m^2. Vào năm 2011, ông Kiên Văn K làm hợp đồng tặng cho ông Kiên Văn O và bà Dương Thị Â các thửa đất nêu trên, ông N và bà Â đã được Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 775324, cấp ngày 29/8/2014. Năm 2014 anh em ông M phát hiện và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung ra quyết định thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên hiện nay các phần đất này chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 18/02/2017, anh em ông M có họp lại và đồng ý giao phần đất hương quả cho ông M quản lý, thờ cúng cha mẹ. Riêng phần đất 22.130,6m^2 ông Kiên Văn O hẹn đến năm 2020 ông N chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao lại đất cho ông M và cho cháu Kiên Thanh B một số đất để chữa bệnh tim, nhưng tất cả anh em của ông M không đồng ý.

Theo đơn khởi kiện ông Kiên Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Yêu cầu được quản lý đối với phần đất hương quả và 01 căn nhà tường cấp 4, kèo đòn tay gỗ dầu, lợp tol, ngang 9m x dài 8m (Phần nhà có 300m^2 đất thổ cư và 700m^2 đất lối đi ra vào) và một số đồ sử dụng trong gia đình là tủ, bàn, ghế, nhưng qua đo đạc thực tế thì ông M xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu được quản lý căn nhà Theo đo đạc thực tế là 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch bông xi măng 200x200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa sổ gỗ lá sách, khung cột

bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn.

+ Yêu cầu trừ đi phần đất thuộc thửa đất số 255, hiện nay do ông M đang canh tác, có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.385,5m^2, vì phần đất này ông M được cha mẹ tặng cho vào năm 2006, công nhận cho ông M được quyền sở hữu phần đất này. Sau khi khấu trừ thì phần đất còn lại theo đo đạc thực tế là 17.745,1m^2 thì chia đều phần diện tích đất 17.745,1m^2 tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho các thừa kế của ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P theo quy định của pháp luật.

Ông M đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O.

- Trong Đơn phản tố ngày 10 tháng 02 năm 2023, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Kiên Văn O cũng là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Â trình bày:

Vào năm 1997, ông N kết hôn với bà Dương Thị Â. Sau khi kết hôn thì ông N và bà Â được cha mẹ là ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P cho đất cất nhà sinh sống riêng. Đến năm 2001, khi cha mẹ già yếu, thường xuyên ốm đau, bệnh tật, nhưng không có người chăm sóc, nên ông K và bà P và các anh em trong gia đình kêu vợ chồng ông N, bà Â về chung sống với cha mẹ để tiện cho việc chăm sóc cha mẹ già khi ốm đau, bệnh tật. Ngày 27/7/2006 AL ông K, bà P, ông Út R là em ruột của ông K và các anh em trong gia đình họp lại lập tờ di chúc có nội dung cho lại toàn bộ các thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông N và bà Â được toàn quyền sử dụng 03 thửa đất nêu trên với mục đích chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, thờ cúng khi cha mẹ qua đời. Năm 2011 thì bà Tăng Thị P qua đời. Sau khi bà P qua đời do hợp đồng vay vốn Ngân hàng đến hạn, nhưng do ông K đã lớn tuổi, nên lập hợp đồng tặng cho ông N, bà Â 03 thửa đất nêu trên. Sau khi lập hợp đồng tặng cho đất thì Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N và bà Â. Ông N và bà Â mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền làm vốn kinh doanh mua ghe chỡ mía.

Năm 2013, do bà Kiên Thị Á làm ăn thất bại ở Bình Dương, nên đã về quê sinh sống, khi bà A về quê thì không có nhà để ở, nên có đến xin vợ chồng ông N và bà Â ở nhờ, vì là chỗ chị em ruột, nên ông N và bà Â cũng đồng ý. Năm 2014 ông Kiên Văn M khiếu nại về việc Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N và bà Â. Sau khi thẩm tra về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N và bà Â thì Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung ra quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N và bà Â. Lý do là cấp chưa đúng quy định, vì thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N và bà Â thì bà Tăng Thị P đã qua đời, những người thuộc hàng thừa kế của bà P không có ký tên vào hợp đồng tặng cho, nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai quy định. Do thời điểm đó vợ chồng ông N và bà Â thường xuyên vắng nhà, nên không nhận được các biên bản tống đạt về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành, nên không có thực hiện quyền khiếu nại. Sau đó, khi nhận được tin Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung thu hồi, hủy bỏ giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N, bà Â thì ông N cũng không có đi khiếu nại. Cũng kể từ đó ông N, bà Â và bà A phát sinh mâu thuẫn, vì việc ông M đi khiếu nại về việc Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà Â là do bà A xúi giục. Năm 2016, ông N có gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp yêu cầu bà A và chồng là ông Nguyễn Hoàng T dọn đi chỗ khác để trả nhà lại cho ông N, bà Â, nhưng vợ chồng bà A không chịu dọn đi và nói là khi nào cha ông N là ông Kiên Văn K qua đời thì mới dọn đi, khi đó chính quyền địa phương đại diện ban nhân dân ấp là ông Trần Văn An và 01 số cán bộ khác có lập Biên bản về việc bà Kiên Thị Á cam kết sẽ dọn ra khỏi nhà trả nhà và đất lại cho ông N, bà Â khi ông K chết. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không muốn cha buồn, nên ông N và bà Â đã dọn nhà ra ở riêng, hiện nay bà A là người đang quản lý căn nhà do cha mẹ để lại.

Theo đơn phản tố thì ông Kiên Văn O N yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung bác 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản" đối với phần đất tranh chấp có diện tích 24.982,5m², thuộc thửa đất số 254, 255, 363, cùng tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vì đất này có nguồn gốc của cha ruột ông N là ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P là đồng chủ sở hữu đã thống nhất cùng các anh chị em của ông N giao cho vợ chồng ông N quản lý sử dụng liên tục, ổn định nhà đất này từ năm 2001 cho đến nay.

+ Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xem xét, công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có số chứng thực 45, quyển số 01 đã dược UBND xã An Thạnh Đông ký ngày 22/8/2011 đã có hiệu lực pháp luật cho ông N được toàn bộ phần diện tích đất mà ông Kiên Văn K sở hữu hợp pháp là 50% diện tích đất trong tổng diện tích đất 24.982,5m^2 là 12.491,25m^2 (trong đó có căn nhà xây dựng cấp 4) nằm trong 03 thửa đất có số thửa là 254, 255, 363, cùng tờ bản đổ số 04, đất tọa lạc tại ấp Nguyễn Công M B, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tinh Sóc Trăng. Phần đất tranh chấp còn lại là 12.491,25m^2 thì ông N yêu cầu được hưởng 03 suất thừa kế tài sản do ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P để lại (trong đó có 01 suất thừa kế theo quy định pháp luật + 01 suất là công tôn tạo và quản lý tài sản làm tăng giá trị sử dụng đất + 01 suất là công phụng dưỡng, thờ cúng ông bà, cha mẹ) 03 suất thừa kế này có diện tích đất là 3.747,375m^2.

+ Yêu cầu công nhận diện tích đất tranh chấp tài sản thừa kế có diện tích 16.238,625m² (trong đó có 50% diện tích đất là 12.491,25m² là tài sản do ông K là đồng sở hữu và 3.747,375m² là 03 suất từ tài sản chia thừa kể của Kiên Văn K và bà Tăng Thị P để lại) trên đất này có 01 căn nhà tường cấp 4, đòn tay gỗ dầu, mái tôn, ngang 9m x dài 8m (Phần nhà có 300m² đất thổ cư và 700m^2 đường lối đi ra vào; tổng cộng là 1.000m^2), thuộc 01 phần thửa đất số 254, 255, 363, cùng tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Nguyễn Công M B, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tinh Sóc Trăng cho ông N tiếp tục quản lý sử dụng hợp pháp.

Nay ông N xin thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố là:

+ Yêu cầu Tòa án bác 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 17.745,1m^2 đất tại các thửa 254, 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Vì đất này có nguồn gốc của cha ruột ông N là ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P là đồng chủ sở hữu đã thống nhất cùng các anh chị em của ông N giao cho vợ chồng ông N quản lý sử dụng liên tục, ổn định nhà đất này từ năm 2001 cho đến nay.

+ Yêu cầu Tòa án xem xét, công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có số chứng thực 45, quyển số 01 đã được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Đông ký ngày 22/07/2011 đã có hiệu lực pháp luật cho ông N được toàn bộ phần diện tích đất mà ông Kiên Văn K sở hữu hợp pháp là 50% diện tích đất trong tổng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 22.130,6m^2 và cho vợ chồng ông N tiếp tục quản lý sử dụng hợp pháp 01 căn nhà tường cấp 4 gắn liền với đất theo đo đạc thực tế gồm có 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch bông xi măng 200x200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa sổ gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất tranh chấp còn lại thì ông N yêu cầu được hưởng 03 suất thừa kế tài sản do ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P để lại (trong đó có 01 suất thừa kế theo quy định luật + 01 suất là công tôn tạo và quản lý tài sản làm tăng giá trị sử dụng đất + 01 suất là công phụng dưỡng, thờ cúng ông bà, cha mẹ) .

- Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 30 tháng 8 năm 2019, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kiên Văn O trình bày:

Vào ngày 03/3/2016, khi cha ông O là ông Kiên Văn K còn sống thì có hợp đồng tặng cho ông O 01 phần đất để cất nhà ở, đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 951,4m^2, đất thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Khi ông K hợp đồng tặng cho đất ông O thì có làm giấy cho nền nhà (giấy tay) có chính quyền địa phương chứng kiến xác nhận là Trưởng ban nhân dân ấp Trần Thanh An. Hiện nay phần đất này ông O chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông O yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 951,4m^2, đất thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền sử dụng của ông O.

Đối với yêu cầu của ông Kiên Văn M thì ông O thống nhất chia thừa kế phần diện tích đất còn lại là 17.745,1m^2 cho các đồng thừa kế của ông K và bà P. Ông O yêu cầu được nhận đất. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O.

- Tại biên bản lấy lời khai 03 tháng 5 năm 2019, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Kiên Thị Á và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng T, bà Kiên Thị D, bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ê, cũng là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Kim Q (Bà Kim Thị A) trình bày:

Cha mẹ ruột của bà Kiên Thị Á là ông Kiên Văn K, sinh năm: 1931 (chết năm 2017) và bà Tăng Thị P, sinh năm 1939 (chết năm 2011). Khi sinh thời ông K và bà P có sinh được 08 người con chung, gồm:

1. Kiên Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà B, ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Kiên Thị Á, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Kim Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

4. Kim I, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; (chết vào ngày 30/6/2022).

5. Kiên Văn I, sinh năm 1969 (chết vào ngày 25/8/2010).

6. Kiên Văn O, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

7. Kiên Văn O N, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

8. Kiên Văn M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Khi sinh thời ông K và bà P có tạo lập được các tài sản gồm:

- 01 căn nhà tường cấp 4, kèo đòn tay gỗ dầu, lợp tol, ngang 9m x dài 8m (Phần nhà có 300m^2 đất thổ cư và 700m^2 đất lối đi ra vào) và một số đồ sử dụng trong gia đình là tủ, bàn, ghế (Theo đo đạc thực tế là 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch bông xi măng 200 x 200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa số gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn, các vật dụng trong nhà như tủ bàn ghế không còn giá trị sử dụng) .

- 03 thửa đất có tổng diện tích là 24.982,2m^2 đất tại các thửa 254, 255, 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Theo đo đạc thực tế các thửa đất có diện tích như sau: thửa đất số 254 có diện tích còn lại được phép sử dụng là 164,3m^2, thửa đất số 255, có diện tích là 4.385,5m^2; thửa đất số 363 trước đây là thửa đất số 363 và thửa đất số 364, nhưng do quá trình ông N sử dụng canh tác đã phá bỏ ranh đất của hai thửa đất nêu trên, sau đó khi Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kiên Văn O thì xác định lại thành thửa đất số 363, thửa đất này hiện nay có tổng diện tích là: 17.580,8m^2; tổng diện tích của 03 thửa đất là 22.130,6m^2). Trong tổng số 24.982,2m^2 thì trừ ra 6.100m^2, là phần đất thuộc thửa đất số 255 hiện nay do ông M đang canh tác, có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.385,5m^2, vì phần đất này ông M được cha mẹ tặng cho vào năm 2006, khi tặng cho thì không có làm hợp đồng tặng cho theo quy định của pháp luật, ông M cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khấu trừ phần đất ông M đang canh tác, có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.385,5m^2 thì còn lại phần đất có tổng diện tích là 17.745,1m^2. Vào năm 2011 ông Kiên Văn K làm hợp đồng tặng cho ông Kiên Văn O và bà Dương Thị Â các thửa đất nêu trên, ông N và bà Â đã được Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 775324, cấp ngày 29/8/2014. Năm 2014, anh em ông M phát hiện và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung ra quyết định thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên hiện nay các phần đất này chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 18/02/2017, anh em ông M có họp lại và đồng ý giao phần đất hương quả cho ông M quản lý, thờ cúng cha mẹ. Riêng phần đất 22.130,6m^2 ông Kiên Văn O hẹn đến năm 2020 ông N chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao lại đất cho ông M và cho cháu Kiên Thanh B một số đất để chữa bệnh tim, nhưng tất cả anh em của ông M không đồng ý.

Nay bà Kiên Thị Á và với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà Ô, bà A, ông Ê, ông I thống nhất theo yêu cầu của ông Kiên Văn M yêu cầu cho ông M được quản lý căn nhà và thờ cúng cha mẹ, yêu cầu trừ đi phần diện tích mà cha mẹ tặng cho ông M tại thửa đất số 255, có diện tích 4.385,5m^2, yêu cầu trừ đi phần diện tích cha bà tặng cho ông O, phần đất còn lại là 17.745,1m^2 thì chia đều cho các thừa kế của ông K và bà P. Bà A, bà D), bà Ô, ông Ê, bà A yêu cầu nhận đất. Không thống nhất theo yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 7 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Đ trình bày:

Cha mẹ ruột của ông Kim Đ là ông Kiên Văn K, sinh năm: 1931 (chết năm 2017) và bà Tăng Thị P, sinh năm: 1939 (chết năm 2011). Khi sinh thời ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P có sinh được 08 người con chung, gồm:

1. Kiên Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà B, ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Kiên Thị Á, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Kim Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

4. Kim I, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; (chết vào ngày 30/6/2022).

5. Kiên Văn I, sinh năm 1969 (chết vào ngày 25/8/2010).

6. Kiên Văn O, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

7. Kiên Văn O N, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

8. Kiên Văn M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Khi sinh thời ông K và bà P có tạo lập được các tài sản gồm:

Khi sinh thời ông K và bà P có tạo lập được các tài sản gồm: 01 căn nhà tường cấp 4, kèo đòn tay gỗ dầu, lợp tol, ngang 9m x dài 8m (Phần nhà có 300m^2 đất thổ cư và 700m^2 đất lối đi ra vào) và 03 thửa đất có tổng diện tích là 24.982,2m^2 đất tại các thửa 254, 255, 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ông Kim Đ yêu cầu giao nhà cho ông N quản lý và thờ cúng cha mẹ, yêu cầu chia các phần đất còn lại cho các thừa kế, ông Đ yêu cầu nhận đất.

- Ngày 29/02/2016 Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung ban hành Quyết định số: 12/QĐ - UBND, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Kiên Văn O và bà Dương Thị Â với lý do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X, bà Kim Hồng Ư, ông Kiên Khánh Y, ông Kiên Văn Ơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cù Lao Dung, Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kim Q là bà Kim Thị L, bà Kim Thị U, bà Kim Thị Tú E đã được Tòa án tống đạt các thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt; Bà Nguyễn Thị X, bà Kim Hồng Ư, ông Kiên Khánh Y, ông Kiên Văn Ơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cù Lao Dung, Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kim Q là bà Kim Thị L, bà Kim Thị U, bà Kim Thị Tú E không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không Đ tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Nguyễn Thị X, bà Kim Hồng Ư, ông Kiên Khánh Y, ông Kiên Văn Ơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cù Lao Dung, Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, bà Kim Thị L, bà Kim Thị U, bà Kim Thị Tú E.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 674, 675, 676, 677, 689, 723 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 500, 502, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 651, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015); điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17 của Luật phí và Lệ phí; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc chia thừa kế tài sản của bà Tăng Thị P theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

[1.1] Đối với thửa đất số 363:

- Ông Kiên Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 101,15m. Hướng tây giáp thửa đất số 412, có số đo 103,2m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 9,97m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 9,82m.

- Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất

có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 599 và 359, có số đo 42,7m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 22,16m. Hướng nam giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 28,36m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 34,70m.

- Ông Kim Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 96.84m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 102,83m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 9,38m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 17,99m.

- Ông Kim Q (Kim Văn I – có người thừa kế là bà A, bà L, bà U, bà E) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 93,11m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 96,84m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,36m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 12,66m.

- Bà Kiên Thị D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 92,57m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 93,11m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,52m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 10,8m.

- Bà Kiên Thị Á được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 95,42m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 92,57m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,49m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 10,82m.

- Bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ơ, ông Kiên Văn Ê (là những người thừa kế của ông T) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 94,17m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 95,42m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,04m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 9,74m.

- Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.953,32m^2 thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này của ông N được cộng chung với phần đất của ông Kiên Văn K tặng cho.

- Ông Kiên Văn M, ông Kiên Văn O, ông Kim Đ, bà Kim Thị A, bà Kim Thị L, bà Kim Thị U, bà Kim Thị Tú E, bà Kiên Thị D, bà Kiên Thị Á, bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ơ, ông Kiên Văn I, ông Kiên Văn O có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản được chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với thửa đất số 255:

- Ông Kiên Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 243,6m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 243,6m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kim Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 243,6m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kim Q (Kim Văn I – có người thừa kế là bà A, bà L, bà U, bà E) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 243,6m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Kiên Thị D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 243,6m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Kiên Thị Á được quyền sử dụng phần đất có diện tích 243,6m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ơ, ông Kiên Văn Ê (là những người thừa kế của ông T) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 243,6m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 487,2m^2 thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này của ông N được cộng chung với phần đất của ông Kiên Văn K tặng cho thì ông N được quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích là 2.681,95 m^2.

- Ổn định cho ông Kiên Văn M phần đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 259 của ông Kiên Văn O, có số đo 121,93m + 52,94m, giáp thửa đất của ông Trần Văn J có số đo 13,89m. Hướng tây giáp thửa đất số 591 của ông Kiên Văn O, có số đo 122,15m + 28,61m, giáp thửa đất của ông Lâm Văn W có số đo 11,94m + 12,11m. Hướng nam giáp thửa đất số 293 của ông Trần Văn V, có số đo 13,45m, giáp thửa đất số 236 của ông Trần Văn J có số đo 12,76m + 95,68m. Hướng bắc giáp lộ đal, có số đo 10,64m + 10,08m. Tổng diện tích đất là 4.385,5m^2 , đất thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kiên Văn M có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản được chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Kiên Văn M có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho những người thừa kế:

+ Trả cho ông Kiên Văn O N: 2.681,95 x 50.000 đồng = 133.997.500 đồng *(Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 133.997.500 đồng *(Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho bà Kiên Thị D: 243,6m^2 x 50.000 đồng = 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho bà Kiên Thị Á: 243,6m^2 x 50.000 đồng = 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho ông Kim Đ: 243,6m2 x 50.000 đồng = 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho ông Kiên Văn O: 243,6m^2 x 50.000 đồng = 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông O có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ê, ông Kiên Văn Ơ (Những người từa kế của ông T): 243,6m^2 x 50.000 đồng = 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Ô, ông Ê, ông Ơ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho ông Kim Q (A, E, L, D): 243,6m^2 x 50.000 đồng = 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A, bà E, bà L, bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 12.180.000 đồng *(Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với thửa đất số 254:

- Ông Kiên Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 9,12m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 9,12m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kim Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 9,12m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kim Q (Kim Văn I – có người thừa kế là bà A, bà L, bà U, bà E) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 9,12m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Kiên Thị D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 9,12m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Kiên Thị Á được quyền sử dụng phần đất có diện tích 9,12m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ơ, ông Kiên Văn Ê (là những người thừa kế của ông T) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 9,12m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 18,24m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này của ông N được cộng chung với phần đất của ông Kiên Văn K tặng cho thì ông N được quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích là 100,39 m^2.

- Ổn định cho ông N phần đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp huyện lộ xã An Thạnh Đông, có số đo 22,28m. Hướng tây giáp thửa đất số 645 của ông Kiên Văn O, có số đo 22,28m. Hướng nam giáp thửa đất số 592 của ông Kiên Văn O, có số đo 14,54m. Hướng bắc giáp thửa đất số 645 của ông Kiên Văn O, có số đo 0,47m. Tổng diện tích đất là 164,3m^2 thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Kiên Văn O có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản được chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Kiên Văn O có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho những người thừa kế:

+ Trả cho ông Kiên Văn O: 9,12m^2 x 400.000 đồng = 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông O có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho Kiên Thị D: 9,12m^2 x 400.000 đồng = 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho bà Kiên Thị Á: 9,12m^2 x 400.000 đồng = 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho ông Kim Đ: 9,12m^2 x 400.000 đồng = 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho ông Kiên Văn M: 9,12m^2 x 400.000 đồng = 3.648.000 đồng*(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ê, ông Kiên Văn Ơ (những người thừa kế của ông T): 9,12m^2 x 400.000 đồng = 3.648.000 đồng*(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ê, ông Kiên Văn Ơ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Trả cho ông Kim Q (A, E, L, D): 9,12m^2 x 400.000 đồng = 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A, bà E, bà L, bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 3.648.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc yều cầu được giao quyền quản lý căn nhà theo đo đạc thực tế là 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch bông xi măng 200 x 200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa sổ gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn.

[3] Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc yêu cầu trừ đi phần diện tích theo đo đạc thực tế của thửa đất số 255, có diện tích 4.385,5m^2, công nhận phần đất có diện tích 4.385,5m^2 là thuộc quyền sử dụng của ông M.

[4] Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của ông Kiên Văn K.

[5] Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/8/2011 cho ông N được toàn bộ phần diện tích đất mà ông Kiên Văn K sở hữu hợp pháp là 50% diện tích đất trong tổng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 22.130,6m^2, cụ thể:

+ Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 8.790,4m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cộng với phần đất mà ông N được hưởng di sản thừa kế từ bà P và phần thừa kế của ông K được hưởng thừa kế của bà P thì ông N được quyền sử dụng phần đất có diện tích tổng cộng là 10.743,72m^2. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp các thửa đất số 359, 358, có số đo 83m. Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 363, có số đo 102,66m. Hướng nam giáp thửa đất số 356 và 414, có số đo 105,61m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 75,32m.

+ Ông Kiên Văn O có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản được chia nêu trên theo quy định của pháp luật.

+ Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.192,75m^2, thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 82,15m^2, thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, cộng với phần đất mà ông N được hưởng di sản thừa kế từ bà P và phần thừa kế của ông K được hưởng thừa kế của bà P thì ông N được quyền sử dụng phần đất có diện tích tổng cộng là 100,39m^2.

[6] Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu quản lý căn nhà, cụ thể giao cho ông Kiên Văn O được quyền quản lý: 01 căn nhà tường cấp 4 gắn liền với thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06 tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo đo đạc thực tế gồm có 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch

bông xi măng 200x200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa sổ gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn. Ông N có trách nhiệm quản lý và thờ cúng ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P.

[7] Không chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu nhận di sản thừa kế của bà P gồm có 01 suất là công tôn tạo và quản lý tài sản làm tăng giá trị sử dụng đất + 01 suất là công phụng dưỡng, thờ cúng ông bà, cha mẹ.

[8] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 951,4m^2, đất thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp nguyễn Công M B, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền sử dụng của ông O.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tối tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2023, nguyên đơn ông M có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và được TAND huyện Cù Lao Dung nhận ngày 13/10/2023. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận nội dung yêu cầu phản tố của ông N, về việc yêu cầu công nhận văn bản tặng cho tài sản ngày 22/8/2011 giữa ông Kiên Văn Bốc và ông N và tiến hành chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật; yêu cầu công nhận căn nhà hiện nay ông đang ở để ông quản lý thờ cúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng Toà án thụ lý đơn yêu cầu phản tố của ông N không đúng pháp luật, vì Toà án đã đưa vụ án ra xét xử sau đó hoãn phiên toà mới thụ lý yêu cầu phản tố; ông M đi làm ở Bình Dương lâu lâu mới về, còn bà A là người quản lý nhà từ trước đến nay; ông không yêu cầu giám định dấu vân tay của ông K trong hợp đồng tặng cho QSDĐ lập ngày 22/8/2011 và tại phiên toà cũng không yêu cầu giám định; đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N, vì hợp đồng tặng cho không có các con của bà P ký. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không rút đơn phản tố và cho rằng bị đơn đã nộp đơn phản tố trước đó cho Toà án rồi nhưng đã làm thất lạc mất, vợ chồng bà A ở tạm trong nhà, ông N mới là người quản lý nhà, bà A cam kết giao trả lại nhà sau khi ông K chết, nhưng đến nay chưa trả; nên đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông M. Bà A, bà D, bà Ô, ông Ê, ông O đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M. Các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng

xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn ông Kiên Văn M; bị đơn ông Kiên Văn O N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Â vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên toà; ông Nguyễn Hoàng T, bà Kim Thị A, bà Kim Thị L, bà Kim Thị U, bà Kim Thị Tú E, ông Kim Đ, bà Nguyễn Thị X, ông Kiên Phương A, bà Dương Thị Â, bà Kim Hồng Ư, ông Kiên Khánh Y, ông Kiên Văn Ơ, Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Đông vắng mặt không rõ lý do; người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cù Lao Dung vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông M là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông M về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận nội dung yêu cầu phản tố của ông N, về việc yêu cầu công nhận văn bản tặng cho tài sản ngày 22/8/2011 giữa ông Kiên Văn K và ông N và tiến hành chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Xét thấy, vào năm 2011, ông K làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông N đối với thửa đất số 254, 255, 363 và 364, tờ bản đồ số 06, toạ lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, hợp đồng được UBND xã An Thạnh Đông chứng thực ngày 22/8/2011, ông N đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày thành 03 thửa đất gồm thửa 254, 255, 363 (do không còn ranh đất, nên thửa đất số 364 nhập vào thửa 363), có tổng diện tích 24.982,2m^2 (theo đo đạc thực tế có diện tích 22.130,6m^2). Từ khi lập hợp đồng tặng cho đến khi ông K chết thì không có văn bản nào thay thế hợp đồng tặng cho tài sản đã ký kết ngày 22/8/2011 và cũng không có hành động nào thể hiện sự thay đổi ý chí đã xác lập trong hợp đồng tặng cho tài sản ngày 22/8/2011. Các con của ông K đều xác định tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất thì ông K vẫn còn minh mẫn, tỉnh táo, ông K không bị ai ép buộc. Tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì các thửa đất nêu trên đã được UBND huyện Cù Lao Dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 376347 ngày 18/6/2010 cho ông K và bà Tăng Thị P. Do đó, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông K với ông N là hợp pháp. Tuy nhiên, khối tài sản này là tài sản chung của ông K và bà P, mỗi người sẽ có quyền sở hữu ½ khối tài sản trong 03 thửa đất nêu trên, nhưng nội dung hợp đồng tặng cho này ông K định đoạt luôn phần tài sản của bà P là vượt quá phần tài sản của ông K. Do đó, nội dung của hợp đồng tặng cho nêu trên chỉ có hiệu lực 1 phần (phần

tài sản của ông K) và vô hiệu 1 phần (phần tài sản của bà P). Khi bà P chết thì không để lại di chúc hay hợp đồng tặng cho bất cứ ai đối với phần tài sản của bà P, nên ông N được hưởng toàn bộ tài sản của ông K (trong ½ khối tài sản chung với bà P) là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông M cho rằng Toà án thụ lý đơn yêu cầu phản tố của ông N không đúng pháp luật, vì Toà án đã đưa vụ án ra xét xử sau đó hoãn phiên toà mới thụ lý yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, trước đó trong các lần Toà án tiến hành hoà giải ông N cũng có yêu cầu Toà án công nhận hợp đồng tặng cho QSDĐ lập ngày 22/8/2011, nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là nhằm để giải quyết dứt điểm vụ án. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này của ông M không được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông M về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận căn nhà hiện nay ông đang ở để ông quản lý thờ cúng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Biên bản phiên toà sơ thẩm các đương sự đều xác định từ năm 2001 vợ chồng ông N và bà Â đã dọn về chung sống với ông K và bà P để chăm sóc ông K và bà P cho đến năm 2016, do phát sinh tranh chấp với bà A, nên ông N mới dọn ra ở riêng; ông M không có trực tiếp quản lý căn nhà trên, hiện nay ông M cũng đi làm thuê, không có ở trong căn nhà trên mà hiện nay do bà A là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà trên, nhưng theo cam kết trong Biên bản được ông Trần Văn An và một số cán bộ khác lập thì bà A cam kết sẽ dọn ra khỏi nhà trả nhà và đất lại cho ông N và bà Â khi ông K chết. Do đó, việc ông M yêu cầu công nhận căn nhà hiện nay ông đang ở để ông quản lý thờ cúng là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[5] Từ những nhận định tại mục [3] và [4] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông M là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Kiên Văn M.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023, về việc tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc chia thừa kế tài sản của bà Tăng Thị P theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

2.1.1. Đối với thửa đất số 363:

- Ông Kiên Văn M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 101,15m. Hướng tây giáp thửa đất số 412, có số đo 90m + 1,70m + 11,50m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 9,97m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 9,82m (ký hiệu số 1).

- Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 951,4m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 599 và 359, có số đo 25,95m + 15,75m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 22,16m. Hướng nam giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 28,36m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 34,70m.

- Ông Kim Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 96.84m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 101,15m + 1,68m + 6,75m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 9,38m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 8,21m + 3,03m (ký hiệu số 2).

- Ông Kim Q (Kim Văn I - có người thừa kế là bà A, bà L, bà U, bà E) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 93,11m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 96,84m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,36m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 5,34m + 6,92m (ký hiệu số 3).

- Bà Kiên Thị D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 92,57m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 93,11m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,52m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 3,25m + 7,55m (ký hiệu số 4).

- Bà Kiên Thị Á được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 95,42m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 92,57m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,49m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 3,93m + 6,89m (ký hiệu số 5).

- Bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ơ, ông Kiên Văn Ê (là những người thừa kế của ông T) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 976,66m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 94,71m + 7,95m. Hướng tây giáp phần còn lại của thửa đất số 363, có số đo 95,42m. Hướng nam giáp thửa đất số 414, có số đo 10,04m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 9,74m + 3,71m (ký hiệu số 6).

2.1.2. Đối với thửa đất số 255:

- Ổn định cho ông Kiên Văn M phần đất tổng diện tích là 4.385,5m^2, thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 592 của ông Kiên Văn O, có số đo 121,93m + 52,94m và giáp thửa đất số 536 của ông Trần Văn J, có số đo 13,89m. Hướng tây giáp thửa đất số 591 của ông Kiên Văn O, có số đo 122,15m + 28,61m và giáp thửa đất số 256 của ông Lâm Văn W, có số đo 11,94m + 12,11m. Hướng nam giáp thửa đất số 293 của ông Trần Văn V, có số đo 13,45m và giáp thửa đất số 236 của ông Trần Văn J, có số đo 12,76m + 95,68m. Hướng bắc giáp lộ đal có số đo 10,64m + 10,08m.

- Buộc ông Kiên Văn M có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho những người thừa kế gồm:

+ Trả cho ông Kiên Văn O N số tiền 133.997.500 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

+ Trả cho bà Kiên Thị D số tiền 12.180.000 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Trả cho bà Kiên Thị Á số tiền 12.180.000 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Trả cho ông Kim Đ số tiền 12.180.000 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Trả cho ông Kiên Văn O số tiền 12.180.000 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Trả cho bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ơ, ông Kiên Văn Ê (Những người từa kế của ông T) số tiền 12.180.000 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Trả cho ông Kim Q (Bà A, bà L, bà U, bà E) số tiền 12.180.000 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

2.1.3. Đối với thửa đất số 254:

- Ổn định cho ông Kiên Văn O phần đất tổng diện tích đất là 499m^2 (trong đó, diện tích ngoài phạm vi lộ giới là 164,3m^2 và diện tích trong phạm vi lộ giới là 334,7m^2), thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp huyện lộ xã An Thạnh Đông, có số đo 36,89m. Hướng tây giáp thửa đất số 645 của ông Kiên Văn O, có số đo 22,28m. Hướng nam giáp thửa đất số 592 của ông Kiên Văn O, có số đo 14,54m + 11,86m. Hướng bắc giáp thửa đất số 645 của ông Kiên Văn O, có số đo 0,47m + 13,19m.

- Buộc ông Kiên Văn O có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho những người thừa kế gồm:

+ Trả cho ông Kiên Văn O số tiền 3.648.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho Kiên Thị D số tiền 3.648.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho bà Kiên Thị Á số tiền 3.648.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho ông Kim Đ số tiền 3.648.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho ông Kiên Văn M số tiền 3.648.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho bà Võ Thị Ô, ông Kiên Văn Ơ, ông Kiên Văn Ê (là những người thừa kế của ông T) số tiền 3.648.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho ông Kim Q (Bà A, bà L, bà U, bà E) số tiền 3.648.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

2.1.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc yêu cầu được giao quyền quản lý căn nhà theo đo đạc thực tế là 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch bông xi măng 200 x 200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa sổ gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn.

2.3. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc yêu cầu trừ đi phần diện tích đất theo đo đạc thực tế của thửa đất số 255, có diện tích 4.385,5m^2, công nhận phần đất có diện tích 4.385,5m^2 là thuộc quyền sử dụng của ông M.

2.4. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiên Văn M về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của ông Kiên Văn K.

2.5. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/8/2011 cho ông N được

toàn bộ phần diện tích đất mà ông Kiên Văn K sở hữu hợp pháp là 50% diện tích đất trong tổng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 22.130,6m^2, cụ thể: Ông Kiên Văn O được quyền sử dụng phần đất có diện tích 8.790,4m^2, thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cộng với phần đất mà ông N được hưởng di sản thừa kế từ bà P và phần thừa kế của ông K được hưởng thừa kế của bà P thì ông N được quyền sử dụng phần đất có diện tích tổng cộng là 10.743,72m^2. Đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp các thửa đất số 359, 358 và giáp phần đất giao cho ông Kiên Văn O, có số đo 4,50m + 69,76m + 9,74m + 28,36m + 22,16m. Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 363, có số đo 94,71m + 7,95m + 6,29m. Hướng nam giáp thửa đất số 356 và 414, có số đo 45,18m + 4,55m + 13,90m + 34,90m. Hướng bắc giáp rạch, có số đo 23,03m + 46,00m.

2.6. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu quản lý căn nhà, cụ thể giao cho ông Kiên Văn O được quyền quản lý: 01 căn nhà tường cấp 4 gắn liền với thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06 tọa lạc Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo đo đạc thực tế gồm có 03 căn nhà liền kề nhau: Căn nhà số 01: Nhà có diện tích 7,5m x 9,6m = 72m^2, nhà có kết cấu có gác lửng bằng gỗ 7,5m x 5m = 37,5m^2, mái lộp tôl xi măng, đòn tay gỗ, kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, nền lát gạch bông xi măng 200 x 200, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 02 nối liền với căn nhà số 01: có diện tích 6,6m x 9,6m = 63,36m^2, mái lộp tôl xi măng, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dừa, nền đất, cửa đi, cửa sổ gỗ lá sách, khung cột bê tông cốt thép; căn nhà số 03 (nhà bếp) có diện tích 08m x 4,5m = 36m^2, mái lộp lá, vách lá, nền đất, gỗ cây bạch đàn. Ông N có trách nhiệm quản lý và thờ cúng ông Kiên Văn K và bà Tăng Thị P.

2.7. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu nhận di sản thừa kế của bà P gồm có 01 suất là công tôn tạo và quản lý tài sản làm tăng giá trị sử dụng đất + 01 suất là công phụng dưỡng, thờ cúng ông bà, cha mẹ.

2.8. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Kiên Văn O về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 951,4m^2, đất thuộc thửa đất số 363, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp nguyễn Công M B, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền sử dụng của ông O.

Đính kèm Sơ đồ hiện trạng thửa đất (BL số 713, 714 và 1485).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Kiên Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011142 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Kiên Văn M đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm *(tại mục 9, 10 và 11 trong phần tuyên xử)* không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người

được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn